

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 30/6/2023

“V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Phước Phi

2. Ông Nguyễn Hồng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công Ki vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Hữu S, sinh năm: 1966, địa chỉ: Thôn TA 1, xã SA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai – Có mặt.

- Đồng Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm: 1969, địa chỉ: Thôn ĐX, xã VQ, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Trương Thanh K, sinh năm: 1969, địa chỉ: Thôn ĐX, xã VQ, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022, được bổ sung bằng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đỗ Hữu S trình bày:

Ông và vợ chồng bà V ông K (gọi tắt: *Vợ chồng bà V*) vốn có họ hàng xa với nhau; Vào ngày 27/02/2019 (Âm lịch), vợ chồng bà V có vay tiền của ông là 100.000.000 đồng với mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm vật dụng quán cà phê, có viết giấy mượn tiền (01 bản), đưa cho ông S giữ làm tin.

Ngày 05/4/2019, bà V một mình trực tiếp gặp ông S, nói lý do số tiền 100.000.000 đồng vay trước đó không đủ chi phí trang trải làm quán cà phê nên xin vay thêm 30.000.000 đồng. Ông đồng ý cho vợ chồng bà V vay thêm

30.000.000 đồng. Việc vay tiền lần này bà V có ghi tiếp và ký ghi rõ họ tên vào phía sau tờ giấy mượn tiền ngày 27/02/2019 (Âm lịch) trước đó.

Cả 02 lần vay tiền vào ngày 27/02/2019 (Âm lịch) và ngày 05/4/2019 nói trên thì cả hai bên ông S và vợ chồng bà V đều tự thỏa thuận về lãi suất.

Đến ngày 10/7/2020 dương lịch (nhằm ngày 20/5/2020 âm lịch), bà V tiếp tục một mình trực tiếp đến gặp ông để hỏi vay thêm 50.000.000 đồng với lý do là để vợ chồng bà V trang trải trả nợ ngân hàng. Do mấy lần trước vợ chồng bà V có gửi ông tiền lãi nên ông tin tưởng, ông đồng ý cho họ vay thêm 50.000.000 đồng. Cộng dồn tất cả số tiền vợ chồng bà V nợ ông là 180.000.000 đồng tiền gốc, bà V thống nhất tự viết Giấy mượn tiền ngày 10/7/2020: 20/5/AL, bà V ký tên và đưa cho ông giữ 01 bản. Một thời gian sau (khoảng gần cuối năm 2021), do ông gọi bà V không được, ông có trực tiếp đến nhà vợ chồng bà V tại thôn DX, xã VQ, huyện VT, tỉnh Bình Định thì không gặp được bà V, nhưng có gặp ông K. Qua nói chuyện, ông K đồng ý nhận nợ chung, ký ghi rõ họ và tên vào Giấy mượn tiền. Ông K hứa bán nhà được sẽ trả dứt điểm số tiền 180.000.000 đồng cho ông nhưng thực tế không trả.

Đến ngày 30/12/2021, ông và ông K có thống nhất việc ông lấy 01 số vật dụng trong quán cà phê vợ chồng bà V, quy ra giá trị thành tiền là 27.800.000 đồng để khấu trừ vào tiền nợ lãi. Hai bên có viết 01 bản Giấy biên nhận cho ông lưu giữ.

Ông nhiều lần muốn các bên tự thương lượng việc trả nợ nhưng không được, ông tự xét thấy hoàn cảnh hiện tại của ông K, nên ông tự nguyện khấu trừ 27.800.000 đồng vào tiền gốc 180.000.000 đồng, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà V phải trả cho ông số tiền gốc là 152.200.000 đồng. Ông không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Thanh K vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với ông K vào ngày 21/02/2023, ông K trình bày:

Ông xác nhận vợ chồng ông có vay tiền của ông S là 180.000.000 đồng để đầu tư xây dựng quán cà phê tại nơi cư trú của ông bà, nhưng ông cho rằng hai bên đã căn trừ các vật dụng, đồ dùng trong quán cà phê vào tiền nợ là 35.000.000 đồng (nhưng ông không có giấy tờ chứng minh). Do bà V thường xuyên vắng mặt tại địa phương, hiện tại ông khó khăn, nên ông xin trả dần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông S, buộc vợ chồng bà V phải trả cho ông S số tiền 152.200.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà V phải chịu án phí theo quy định; Ông S được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đồng bị đơn bà V ông K cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn ông S và bị đơn ông K chấp hành, riêng bị đơn bà V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà V đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án niêm yết, tổng đạt, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn bà V và ông K vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn bà V và ông K.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Vụ việc tranh chấp:

Ngày 10/7/2020 dương lịch (nhằm ngày 20/5/2020 âm lịch), vợ chồng bà V viết “Giấy mượn tiền”, có ký, ghi rõ họ và tên xác nhận vay tiền của ông S là 180.000.000 đồng, hẹn trả đủ tiền gốc vào cuối năm 2020; Riêng tiền lãi các bên tự thỏa thuận.

Quá hạn trả, ông S nhiều lần đòi nợ, vợ chồng bà V hứa hẹn nhưng không trả, chỉ đến ngày 30/12/2021, ông S và ông K có thống nhất viết, ký vào “Giấy biên nhận” đồng ý cho ông S lấy các vật dụng trong quán cà phê của vợ chồng bà V để khấu trừ tiền nợ lãi là 27.800.000 đồng. Cho đến nay, vợ chồng bà V chưa trả thêm được cho ông S khoản tiền nào.

[2.2]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Xét: Ông S yêu cầu vợ chồng bà V phải trả cho ông số tiền gốc là: 152.200.000 đồng (*180.000.000 đồng – 27.800.000 đồng*), không yêu cầu trả lãi. Bà V và ông K là vợ chồng hợp pháp, xét theo quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, bà V và ông K phải có nghĩa vụ chung đối với khoản vay và phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông S, do đó: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S có cơ sở, được Tòa án chấp nhận.

Xét: Vợ chồng bà V xác nhận nợ, riêng ông K xin trả dần, nói khi nào có tiền sẽ trả cho ông S (Không nêu được lộ trình trả nợ cụ thể), thấy rằng: Ông S không chấp nhận, nên không thể xét thỏa mãn, không được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hữu S đối với đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Trương Thanh K: Buộc bà V và ông K phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền gốc là: 152.200.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Trương Thanh K phải chịu 7.610.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước;

+ Ông Đỗ Hữu S được hoàn trả số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) mà ông S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006563 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Đào